

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG HIỆP ĐỊNH TRIPS

Nguyễn Bá Diên^(*)

1. Khái quát chung về Hiệp định TRIPS

Quyền sở hữu trí tuệ ngày nay đã trở thành một trong hai loại hình sở hữu chính của con người – sở hữu tài sản hữu hình và sở hữu trí tuệ. Quyền sở hữu trí tuệ là loại quyền đặc biệt, chỉ xuất hiện và được luật hoá khi cuộc cách mạng về khoa học và công nghệ phát triển và khi con người ý thức được những lợi ích vật chất mà sáng tạo trí tuệ đem lại. Sở hữu trí tuệ bao gồm hai lĩnh vực chính: quyền sở hữu công nghiệp và quyền tác giả. Trong tư pháp quốc tế, quyền sở hữu trí tuệ được hiểu là quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố nước ngoài. Quyền sở hữu trí tuệ có tính chất lãnh thổ triệt để. Các sản phẩm của sáng tạo trí tuệ, mặc dầu mang những đặc điểm khác nhau về địa lý, lịch sử, dân tộc, ngôn ngữ,... nhưng đều có chung một đặc điểm là tính phi vật chất và khả năng dễ phổ biến, khai thác rộng rãi ở nhiều quốc gia. Vì vậy, cần phải có sự điều chỉnh và bảo hộ quốc tế đối với các sản phẩm của sáng tạo trí tuệ nhằm bảo vệ quyền của người sáng tạo và ngăn chặn một cách có hiệu quả với sự xâm phạm cũng như để xây dựng và hoàn thiện cơ chế sử dụng các sáng tạo trí tuệ nhằm đạt được hiệu quả xã hội cao nhất.

Trước sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng Khoa học - Kỹ thuật trên thế giới trong suốt thế kỷ qua, lĩnh vực sở hữu trí tuệ đã có những bước tiến mạnh mẽ và mang dấu ấn thời đại rõ nét. Tổ

chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và các tổ chức tiền thân của nó đã có rất nhiều cố gắng trong việc xây dựng hệ thống các quy định mang tính quốc tế để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Một số Công ước quốc tế quan trọng đã được thông qua, như Công ước Rome (1961), Công ước Pais (1967), Công ước Stockholm (1967, sửa đổi 1979), Công ước Berne (1971)...

Theo dòng thác phát triển kinh tế – thương mại quốc tế, Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được thành lập năm 1995 với tư cách là thể chế pháp lý điều tiết các mối quan hệ kinh tế – thương mại quốc tế mang tính toàn cầu. WTO ngày càng phát huy vai trò và hiệu quả của mình trên cơ sở kế thừa tất cả những nguyên tắc, luật lệ của tổ chức tiền thân đã tồn tại gần 50 năm qua là Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) và hoạt động dựa trên 4 nguyên tắc chính là: mở cửa thị trường, đãi ngộ tối huệ quốc, đãi ngộ quốc gia và cạnh tranh công bằng. Với 25 Hiệp định đa phương đã được ký kết, WTO là một “sân chơi” quốc tế với những “luật chơi” trong quan hệ kinh tế quốc tế hiện đại, điều tiết ngày càng sâu sắc quá trình trao đổi hàng hoá dịch vụ, đầu tư và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia.

Trong suốt thời gian tồn tại của GATT, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chỉ là đối tượng điều chỉnh của các Hiệp định và Công ước quốc tế riêng rẽ và không nằm trong khuôn khổ GATT. Từ những năm cuối của thập niên 70 và những năm 80, hầu hết các nước công nghiệp hoá đã cố

^(*) PGS, TS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

gắng cập nhật các Công ước quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ (Công ước Paris và công ước Berne). Những nỗ lực đó không thành công trước sự phản đối mạnh mẽ từ các nước đang phát triển với nhìn nhận rằng, các nước phát triển chỉ muốn duy trì vai trò thống trị bằng cách tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Sau khi Hoa Kỳ tuyên bố đề cập đến việc đưa các vấn đề hàng giả vào khuôn khổ của GATT năm 1984 và Hội đồng GATT hướng dẫn Ủy ban soạn thảo giải quyết cơ bản các vấn đề tiềm tàng liên quan đến thương mại, vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ vẫn chưa được tất cả các nước thành viên chấp nhận trong khuôn khổ GATT. Lập luận của một số nước là GATT chỉ giải quyết các vấn đề liên quan tài sản hữu hình mà không liên quan đến tài sản vô hình, hơn nữa vấn đề hàng giả chỉ thuộc thẩm quyền của tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO. Sau đó, các nước đang phát triển bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ để tăng cường phát triển kinh tế của mình và việc chuyển giao kỹ thuật từ các nước phát triển.

Vòng đàm phán thương mại đa phương Uruguay được bắt đầu tại *Punta del Este* vào ngày 20/9/1986 và kết thúc bằng việc ký Hiệp định Marakesh thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 15/4/1994. Hiệp định TRIPS là một trong bốn Hiệp định phụ lục trong Hiệp định thành lập WTO. Hệ thống các quy định về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO được xây dựng trên cơ sở những nhận thức cơ bản sau đây [1; tr.343-344].

- Giá trị của hàng hoá và dịch vụ tham gia trong thương mại quốc tế ngày càng thể hiện sự kết tinh của yếu tố công nghệ

và tính sáng tạo trong hàng hoá và dịch vụ đó. Nói cách khác, trao đổi hàng hoá và dịch vụ cũng bao hàm trao đổi sự sáng tạo của trí tuệ con người, tức là “sở hữu trí tuệ” kết tinh trong hàng hoá và dịch vụ.

- Trong thể thống nhất của nền kinh tế thế giới, sự phát triển của thương mại quốc tế có thể bị ảnh hưởng nếu các tiêu chuẩn để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ mà các nước đưa ra khác xa nhau. Hơn nữa, việc thực hiện không triệt để quyền sở hữu trí tuệ có thể khuyến khích trao đổi hàng giả và xâm phạm bản quyền, nhất là trong điều kiện tiến bộ công nghệ hiện nay, do đó vi phạm lợi ích thương mại chính đáng của người sản xuất, vi phạm lợi ích của chủ sở hữu hoặc người được phép sử dụng các quyền đó. Cần thiết phải có một cơ cấu đa phương, các nguyên tắc, quy tắc và trật tự nhằm xử lý hoạt động thương mại quốc tế liên quan đến hàng giả.

Với mong muốn giảm bớt những lệch lạc và những trở ngại trong hoạt động thương mại quốc tế, lưu ý tới sự cần thiết phải thúc đẩy việc bảo hộ một cách có hiệu quả và toàn diện các quyền sở hữu trí tuệ, và bảo đảm rằng các biện pháp và thủ tục thực thi các quyền sở hữu trí tuệ không trở thành các chướng ngại cho hoạt động thương mại hợp pháp; cần phải có các quy định và nguyên tắc mới liên quan đến [2]:

1) Khả năng áp dụng các nguyên tắc cơ bản của GATT 1994 và của các Thỏa ước, Công ước quốc tế thích hợp về sở hữu trí tuệ;

2) Việc quy định các tiêu chuẩn và nguyên tắc đầy đủ liên quan đến khả năng đạt được, phạm vi và việc sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại;

3) Việc quy định các biện pháp hữu hiệu và phù hợp nhằm thực thi các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại, có tính đến sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật quốc gia;

4) Việc quy định các thủ tục hữu hiệu và nhanh chóng nhằm ngăn ngừa và giải quyết đa phương các tranh chấp giữa các Chính phủ; và

5) Các quy định chuyển tiếp nhằm đạt được sự tham gia đầy đủ nhất vào kết quả của các cuộc đàm phán.

Các vấn đề thương mại sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO được quy định trong Hiệp định TRIPS nhằm mục tiêu “*góp phần thúc đẩy việc đổi mới, chuyển giao và phổ biến công nghệ, góp phần đem lại lợi ích chung cho người tạo ra và dụng kiến thức công nghệ, đem lại lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế và tạo sự cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ*”. TRIPS bao gồm những nhóm nội dung chính như sau:

- Các nguyên tắc cơ bản và nghĩa vụ chung;

- Những tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu, thời hạn bảo hộ và việc giám sát và biện pháp chống cạnh tranh trong giấy phép hợp đồng;

- Các biện pháp kinh doanh hạn chế;

- Bảo đảm thực hiện quyền sở hữu trí tuệ (lệnh của toà án, biện pháp hải quan...)

- Thoả thuận về thời kỳ chuyển tiếp để thực hiện các quy định ở cấp quốc gia.

- Về quyền tác giả và các quyền có liên quan: chưa có quy định chi tiết về bảo hộ chương trình máy tính, quyền định hình (ghi) và truyền tới công chúng các chương trình phát thanh, truyền hình, quyền cho thuê bản ghi âm, quyền truyền tới công

chúng chương trình biểu diễn các tác phẩm kịch, nhạc kịch, âm nhạc...

- Về quyền sở hữu công nghiệp: pháp luật Việt Nam chưa bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp, tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá, nhãn hiệu hàng hoá nổi tiếng, chỉ dẫn địa lý đối với rượu vang và rượu mạnh, bí quyết kỹ thuật (know-how) [3; tr.32-34.].

Việc bổ sung các quy định pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng trên, cũng như cả các quy định về thủ tục và các vấn đề khác cho phù hợp với quy định của Hiệp định TRIPS là việc làm có tính cấp thiết trong tình hình hiện nay.

2. Các nguyên tắc cơ bản của Hiệp định TRIPS

Chế độ thương mại dựa trên nguyên tắc của WTO thể hiện trên hai khía cạnh: *thứ nhất*, WTO thể chế hoá tất cả các lĩnh vực của hệ thống thương mại thế giới, gồm cả thương mại hữu hình (hàng hoá) và thương mại vô hình (dịch vụ, sở hữu trí tuệ); *thứ hai*, chế độ thương mại dựa trên nguyên tắc được hiểu là các quan hệ thương mại được xử lý trên các nguyên tắc chung và hạn chế dần các ngoại lệ hoặc ưu đãi [1; tr.389-390]. TRIPS là một trong những Hiệp định quan trọng nằm trong khuôn khổ WTO. Vì vậy, những nguyên tắc của TRIPS cũng dựa trên những nguyên tắc cơ bản của WTO. Bên cạnh đó, kết quả chính của TRIPS là việc áp dụng các nguyên tắc của GATT trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, những nguyên tắc cơ bản của Hiệp định TRIPS là sự cụ thể hoá nguyên tắc của GATT và WTO trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

2.1. Chế độ đãi ngộ tối huệ quốc (MFN – Most Favoured Nations)

Điều 4 Hiệp định TRIPS quy định: “Đối với việc bảo hộ sở hữu trí tuệ, bất kỳ một sự ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc sự miễn trừ nào được một Thành viên dành cho công dân của bất kỳ nước nào khác cũng phải được lập tức và vô điều kiện dành cho công dân của tất cả các Thành viên khác”.

Nguyên tắc này được xem là nguyên tắc pháp lý quan trọng nhất và là nguyên tắc nền tảng của GATT và WTO; theo đó, bảo đảm cho sự bình đẳng trong đối xử giữa các nước Thành viên bằng việc quy định rằng bất cứ sự ưu đãi nào được một nước Thành viên dành cho bất cứ nước nào khác phải được dành ngay lập tức và vô điều kiện cho tất cả các nước Thành viên khác. Chế độ này (được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực thương mại quốc tế) là một nhân tố mới trong khuôn khổ sở hữu trí tuệ quốc tế. Nếu hai hay nhiều nước Thành viên của TRIPS tham gia một thoả thuận có tiêu chuẩn bảo hộ cao hơn tiêu chuẩn bảo hộ của TRIPS thì những nước này có nghĩa vụ phải dành sự ưu đãi và đặc quyền đó cho công dân của tất cả các nước Thành viên khác của TRIPS.

Mặc dầu vậy, cũng giống như chế độ MFN trong GATT và WTO, TRIPS vẫn quy định một số ngoại lệ (*exception*) và miễn trừ (*waiver*). Theo Điều 4 Hiệp định này, nghĩa vụ “đối xử tối huệ quốc” được miễn đối với bất kỳ sự ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền hoặc sự miễn trừ nào mà một Thành viên dành cho nước khác:

a. Trên cơ sở các Thoả ước quốc tế về việc giúp đỡ trong tố tụng hoặc thực thi luật theo nghĩa tổng quát chứ không giới hạn riêng biệt về bảo hộ sở hữu trí tuệ;

b. Phù hợp với các quy định của Công ước Berne (1971) hoặc Công ước Rome, theo đó sự đãi ngộ áp dụng tại một nước khác;

c. Đối với các quyền của những người biểu diễn, người sản xuất bản ghi âm và các tổ chức phát thanh tuyến hình không phải do Hiệp định này quy định;

d. Trên cơ sở các thoả ước quốc tế liên quan đến việc bảo hộ sở hữu trí tuệ đã có hiệu lực trước khi Hiệp định WTO có hiệu lực, với điều kiện là các thoả ước đó được thông báo cho Hội đồng TRIPS và không tạo nên sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc bất hợp lý đối với công dân của các Thành viên khác”.

2.2. Nguyên tắc về Đãi ngộ quốc gia (National treatment)

Khoản 1 Điều 3 Hiệp định TRIPS quy định:

“Mỗi Thành viên phải chấp nhận cho các công dân của các thành viên khác sự đối xử không kém thiện chí hơn so với sự đối xử của thành viên đó đối với công dân của mình trong việc bảo hộ sở hữu trí tuệ”.

Đây là nguyên tắc cơ sở của tất cả các Công ước Quốc tế về sở hữu trí tuệ, cũng được nêu tại Điều 3 của GATT. Song trong khuôn khổ các Công ước về sở hữu trí tuệ, nguyên tắc này chỉ áp dụng cho các chủ thể quyền chứ không áp dụng đối với hàng hoá như trong GATT. Theo chú thích của Hiệp định, khái niệm “bảo hộ” quyền sở hữu trí tuệ phải bao gồm các vấn đề ảnh hưởng đến khả năng đạt được, việc đạt được, phạm vi, việc duy trì hiệu lực và việc thực thi các quyền sở hữu trí tuệ, cũng như các vấn đề ảnh hưởng đến việc sử dụng các quyền sở hữu trí tuệ được quy định rõ trong Hiệp định này.

Trong nội dung của nguyên tắc đối xử quốc gia theo TRIPS có một số điểm cần lưu ý như sau:

- Theo phần chú thích của Hiệp định, đối với mỗi Thành viên của WTO có lãnh thổ hải quan riêng, thuật ngữ “*công dân*” được đề cập trong Hiệp định này có nghĩa là thể nhân hoặc pháp nhân cư trú, hoặc có Sở công nghiệp hoặc thương mại thực sự và hoạt động có hiệu quả trong lãnh thổ hải quan đó.

- Từ quy định tại khoản 3 Điều 1 Hiệp định có thể suy ra rằng, một bên tham gia Hiệp định có nghĩa vụ cấp các quyền được công nhận trong Hiệp định này cho công dân của các bên khác, bất kể bên đó có dành các quyền như vậy cho công dân của chính nước đó hay không.

- Những ngoại lệ của nguyên tắc đối xử quốc gia theo TRIPS đã được quy định tương ứng trong Công ước Paris (1967), Công ước Berne (1971), Công ước Rome và Hiệp ước về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp. Đối với những người biểu diễn, người sản xuất bản ghi âm và các tổ chức phát thanh truyền hình, nghĩa vụ này chỉ dùng với các quyền được quy định theo Hiệp định này. Bất kỳ Thành viên nào sử dụng các quy định tại Điều 6 Công ước Berne (1971) và khoản 1 Điều 16 Công ước Rome cũng phải thông báo như đã nêu trong các điều khoản nói trên cho Hội đồng TRIPS.

Theo khoản 2 Điều 3 Hiệp định TRIPS, các Thành viên chỉ có thể sử dụng các ngoại lệ nêu trên liên quan đến các thủ tục xét xử và hành chính, kể cả việc chỉ định địa chỉ dịch vụ hoặc bổ nhiệm đại diện trong phạm vi quyền hạn của một Thành viên, nếu những ngoại lệ đó là cần thiết để

đảm bảo thi hành đúng các luật và quy định không trái với các quy định của Hiệp định này và nếu cách tiến hành các hoạt động đó không là một sự hạn chế trá hình hoạt động thương mại.

- Liên quan đến chế độ đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc, TRIPS có đề cập đến “*trạng thái khai thác hết*” của quyền sở hữu trí tuệ. Theo Điều 6 Hiệp định này, không được sử dụng một quy định nào trong Hiệp định để điều chỉnh vấn đề này trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh.

Các nghĩa vụ đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc nêu trên đây không áp dụng cho các thủ tục quy định trong các Thỏa ước đa phương được ký kết dưới sự bảo trợ của WIPO liên quan đến việc đạt được và duy trì hiệu lực bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ.

Từ việc phân tích các nguyên tắc của TRIPS về chế độ đối xử quốc gia và liên hệ tới pháp luật Việt Nam, có thể thấy rằng: mặc dầu chế độ đãi ngộ quốc gia - về nguyên tắc - được pháp luật Việt Nam rất chú trọng trong việc thực thi các nghĩa vụ pháp lý quốc tế, song cũng còn rất nhiều hạn chế cần được khắc phục. Trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ, hệ thống pháp luật Việt Nam còn có một số điểm chưa đáp ứng yêu cầu của Hiệp định TRIPS, như việc xác lập, duy trì quyền sở hữu công nghiệp và đăng ký quyền tác giả, mức lệ phí và dịch vụ áp dụng cho người nước ngoài cao hơn người Việt Nam...[3; tr.32]

2.3. Nguyên tắc về sự cân bằng giữa việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích của công chúng và xã hội

Điều 7 và Điều 8 Hiệp định TRIPS quy định các vấn đề sau:

- Việc bảo hộ và thực thi các quyền sở hữu trí tuệ phải góp phần thúc đẩy việc cải tiến, chuyển giao và phổ biến công nghệ, đem lại lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, và tạo sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ (Điều 7). Đây chính là mục tiêu quan trọng nhất của Hiệp định TRIPS.

- Trong việc ban hành hoặc sửa đổi các luật và quy định pháp luật của mình, các Thành viên có thể thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo vấn đề y tế và dinh dưỡng cho nhân dân và thúc đẩy lợi ích công cộng trong những lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và công nghệ của mình, với điều kiện là các biện pháp đó không được trái với các quy định của Hiệp định này.

- Có thể cần đến những biện pháp phù hợp, miễn là không trái với các quy định của Hiệp định này, để ngăn ngừa lạm dụng các quyền sở hữu trí tuệ bởi những người nắm quyền hoặc ngăn chặn các hành vi gây cản trở hoạt động thương mại một cách bất hợp lý hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chuyển giao công nghệ quốc tế (Điều 8).

Cơ sở của vấn đề cân bằng giữa mục tiêu tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ và lợi ích của công chúng hoặc sự cần thiết phải tránh việc lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ là chừng nào các thành viên không loại trừ việc bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ thì bất cứ biện pháp bổ sung nào mà họ áp dụng phù hợp với các mục tiêu trong những quy định trên đây đều là hợp pháp. Những ngoại lệ mà các Thành viên có thể đặt ra trong hệ thống pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ của quốc gia mình đối với độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp và patent cần phải được xem xét trên tinh thần của

các mục tiêu được quy định tại Điều 7, 8 Hiệp định TRIPS.

2.4. Các vấn đề có tính nguyên tắc liên quan đến vấn đề thực thi Hiệp định TRIPS trong pháp luật quốc gia Thành viên

2.4.1. Cơ sở và phạm vi các nghĩa vụ của quốc gia Thành viên

Theo Điều 1 Hiệp định TRIPS :

“1. Các thành viên phải thi hành các điều khoản của Hiệp định này. Các Thành viên có thể, nhưng không bị bắt buộc, áp dụng trong luật của mình việc bảo hộ mạnh hơn so với các yêu cầu của Hiệp định này, miễn là việc bảo hộ đó không trái với các điều khoản của Hiệp định này. Các Thành viên sẽ tự do quyết định phương pháp thích hợp nhằm thi hành các điều khoản của Hiệp định này trong hệ thống pháp luật và thực tiễn của mình”.

Trong quá trình thực thi các quy định của Hiệp định TRIPS, một quốc gia Thành viên của TRIPS có thể sẽ gặp phải nhiều vấn đề có tính chất chung. Ở mức độ khái quát nhất, có thể có một số điểm khác biệt giữa quy định của TRIPS và pháp luật của quốc gia Thành viên. Việc giải quyết vấn đề này phụ thuộc vào vị trí và hiệu lực của các Điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật của quốc gia đó. Tại một số quốc gia, các Điều ước quốc tế được ưu tiên áp dụng so với bất cứ đạo luật nào được ban hành từ trước, trong khi các văn bản pháp luật ban hành sau lại được ưu tiên áp dụng so với các Điều ước. Tại một số quốc gia khác, các Điều ước được ưu tiên áp dụng so với các luật quốc gia, bất kể đạo luật của quốc gia được ban hành trước hay sau khi Điều ước quốc tế đó có hiệu lực.

Ngoài ra, cũng giống như việc thực thi các Điều ước quốc tế nói chung, các Thành viên của TRIPS phải ban hành những chính sách nhất định hoặc điều chỉnh hoạt động trong tương lai, thi hành những quy định đó bằng các quy định pháp luật trong nước nhằm “*nội luật hoá*” các quy định của TRIPS. Ví dụ, nghĩa vụ “*tạo các công cụ pháp lý*” để cho phép các bên liên quan ngăn ngừa việc sử dụng dưới bất cứ phương tiện nào để gọi tên hoặc thể hiện hàng hoá có tác dụng chỉ dẫn hoặc gợi ý nguồn gốc xuất xứ địa lý khác với thực tế theo cách thức lừa dối công chúng (Điều 22 khoản 2 điểm a).

Bên cạnh đó, TRIPS cũng có những quy định tự thi hành và quy định không tự thi hành. Đối với các quy định không tự thi hành (ví dụ, các quy định về “*người được hưởng*” mà tự nó không tạo ra quyền chủ thể...). Vì vậy, quốc gia Thành viên có nghĩa vụ thừa nhận những quy định này trong pháp luật quốc gia của mình và phải quy định các biện pháp, pháp lý để các chủ thể quyền thực thi quyền của họ. Đó chính là cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định: “*Các Thành viên được tự do áp dụng các biện pháp phù hợp để thực hiện các quy định của Hiệp định này trong hệ thống pháp luật và thực tiễn của mình*”. Điều đó có nghĩa là về cơ bản luật quốc tế không quan tâm đến các biện pháp, chứ không phải không quan tâm đến các kết quả. Mặc dù TRIPS có tất cả các quy định tự thi hành và không tự thi hành, các quốc gia Thành viên vẫn phải ban hành các quy định pháp luật quốc gia phù hợp để thực thi TRIPS tại quốc gia mình và thực hiện các nghĩa vụ quốc tế của mình [4].

Về phạm vi các nghĩa vụ, khoản 3 Điều 1 Hiệp định TRIPS còn quy định: *Các*

Thành viên phải chấp nhận cách đối xử được quy định trong Hiệp định này đối với các công dân của các Thành viên khác. Đối với từng loại quyền sở hữu trí tuệ tương ứng, các công dân của các Thành viên khác được hiểu là những thể nhân và pháp nhân nào đáp ứng các điều kiện để nhận được sự bảo hộ quy định trong Công ước Paris (1967), Công ước Berne (1971), Công ước Rome, Hiệp ước về quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp, như thể tất cả các Thành viên của WTO đều là Thành viên của các Công ước, Hiệp định đó. Bất kỳ Thành viên nào sử dụng khả năng quy định trong khoản 3 Điều 5 hoặc khoản 2 Điều 6 Công ước Rome đều phải thông báo như đã nêu trong các điều khoản nói trên cho Hội đồng về những vấn đề liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (“Hội đồng TRIPS”).

2.4.2. *Mối quan hệ giữa Hiệp định TRIPS và Công ước Berne, Công ước Rome và Công ước Paris*

Như đã trình bày trên đây, Hiệp định TRIPS được xây dựng trên cơ sở các Công ước quốc tế hiện hành có liên quan đến sở hữu trí tuệ như Công ước Paris (1967) về bảo hộ sở hữu công nghiệp; Công ước Berne (1971) về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật, Công ước Rome (1961) về bảo hộ người trình diễn, người sản xuất băng đĩa ghi âm và các tổ chức phát thanh truyền hình, Hiệp định về sở hữu trí tuệ liên quan đến mạch tích hợp (1989)... Ý tưởng cơ bản của TRIPS là không đưa ra toàn bộ các quy định mới mà sử dụng những Công ước đã có về quyền sở hữu trí tuệ làm khởi điểm. Vì vậy, TRIPS có mối quan hệ rất gắn bó và chặt chẽ với các Công ước này. TRIPS đã dành riêng một điều (Điều 2) để quy định về vấn đề này, cụ thể là:

- Đối với các phần II, III, và IV, của Hiệp định này, các Thành viên phải tuân theo các Điều từ 1 đến 12 và Điều 19 của Công ước Paris (1967).

- Không một quy định nào trong các phần từ I đến IV của Hiệp định này làm ảnh hưởng đến các nghĩa vụ đang tồn tại mà các Thành viên có thể có đối với nhau theo Công ước Paris, Công ước Berne, Công ước Rome và Hiệp ước về quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực mạch tích hợp.

Riêng về mối quan hệ giữa Hiệp định TRIPS với Công ước Berne và Công ước Rome về quyền tác giả và các quyền có liên quan, các nước tham gia vẫn bị ràng buộc bởi những quy định của Công ước Berne và Công ước Rome ngay cả sau khi trở thành Thành viên của TRIPS. Các nước Thành viên của TRIPS không bị yêu cầu phải tham gia Công ước Berne, nhưng thừa nhận những nghĩa vụ của Công ước này (trừ Điều 6 bis). Công ước Rome không được đưa vào TRIPS mà chỉ được đề cập ở một số quy định nhất định; ví dụ: nguyên tắc đối xử quốc gia được thừa nhận, nhưng chỉ đối với những quyền được quy định trong Hiệp định TRIPS. Điều này dẫn đến tình trạng là có những nước đồng thời là Thành viên của TRIPS, Công ước Berne và Công ước Rome; song cũng có những nước

là Thành viên của TRIPS mà không phải là Thành viên của Công ước Berne và Công ước Rome, nên chỉ phải tuân thủ những quy định của hai Công ước này được TRIPS đề cập tới.

*

* *

Hiệp định TRIPS (Hiệp định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại là một trong những kết quả quan trọng nhất của Vòng đàm phán Uruguay về Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). Có thể coi đây là thoả thuận về sở hữu trí tuệ toàn diện đầu tiên được ký kết bởi hầu hết các quốc gia tham gia quan hệ thương mại quốc tế nhằm thiết lập các tiêu chuẩn tối thiểu đối với hầu hết các loại quyền sở hữu trí tuệ (cả các quy định về nội dung và các quy định về thực thi). Do đó, cũng có thể khẳng định rằng, Hiệp định TRIPS đi xa hơn tất cả các Công ước quốc tế trước đó về sở hữu trí tuệ. Việc nghiên cứu một cách toàn diện và thấu đáo các khái niệm cơ bản và những nguyên tắc chung của Hiệp định TRIPS sẽ góp phần không nhỏ vào việc nghiên cứu, tìm hiểu toàn bộ nội dung của Hiệp định này về lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO nhằm phục vụ cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ ngoại giao, *Tổ chức thương mại thế giới (WTO)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.
2. *Lời nói đầu của Hiệp định TRIPS*, Bản dịch của Cục Sở hữu Công nghiệp 6/1997.
3. Nguyễn Bá Diến, Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ trong điều kiện Việt Nam hội nhập quốc tế, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 4/2001.
4. Kart Hinnok, *Hiệp định TRIPS trong hệ thống pháp luật quốc gia*, Tài liệu Hội thảo về Hiệp định TRIPS, Công ước Berne và Công ước Rome, Hà Nội ngày 12-14/6/2001.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XX, N₀4, 2004

PROTECTING INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS ACCORDING TO TRIPS

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Ba Dien

Faculty of Law, Vietnam National University

Nowadays, intellectual property rights have played one of the most important parts in owner rights beside tangible property rights when the scientific - technological revolution has been renewing the world. Therefore, protecting intellectual property rights is both urgent and significant mission of each country in the process of integration into the economic world, and Vietnam does not except.

The author focused to point out and analyze the basic principles of TRIPS. In addition, the author showed the Vietnam regulations and laws inadequate, which influence to the effectiveness on implementation of intellectual property rights in the comparative relation with TRIPS.

In conclusion, the author proposed initial and long-term measures to perfect Vietnamese legal system on intellectual property rights to integrate rapider.